TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 5 - 2022
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Đức Cường và bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lại Thị L - sinh năm 1971; nơi ĐKHKTT và nơi ở: thôn CV, xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn S - sinh năm 1971; nơi ĐKHKTT và nơi ở: thônN, xã LS, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2021 và bản tự khai, nguyên đơn - bà Lại Thị L trình bày:* bà và ông Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam ngày 04/3/1993. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại thônN Thường (nay là thônN), xã LS, huyện TL, tỉnh Hà Nam. Đến năm 1996, do kinh tế vợ chồng khó khăn nên ông S đi làm ăn xa, bà về thôn C(nay là thôn CV), xã LT, huyện TL sinh sống. Ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S đi làm ăn xa, không tu trí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, một mình bà vất vả lo toan, gánh vác mọi công việc trong gia đình; hơn nữa ông S sống không chung thủy, nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc như trước đây nữa. Bà và người

thân, bạn bè của ông S đã nhiều lần khuyên bảo ông S thay đổi, song ông S vẫn không chịu thay đổi, sống không có trách nhiệm với gia đình, không tập trung kinh tế để cùng bà nuôi dạy con. Đến năm 2006, ông bà sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo về đoàn tụ, song không thành. Vì bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông bà sống ly thân đã nhiều năm nay, nên ông bà không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

- Về con chung: ông bà có 02 con chung là Nguyễn Tiến D - sinh ngày 22/12/1993 và Nguyễn Hồng N - sinh ngày 19/01/2001, hiện nay các con chung của ông bà đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lao động, anh D đã lập gia đình; do đó bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Về phía bị đơn - ông Nguyễn Văn S:* trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TL đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông S và nhiều lần triệu tập, thông báo cho ông S đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông S đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù Tòa án cùng chính quyền xã LS đã đến gia đình ông S để làm việc với ông S và tống đạt các văn bản, nhưng ông S không có nhà và không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể yêu cầu ông S làm bản tự khai hoặc tiến hành lấy lời khai đối với ông S và tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

** Xác minh tại UBND xã LS xác định:* bà L và ông S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam ngày 04/3/1993. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại thôn N Thường (nay là thôn N), xã LS, huyện TL, tỉnh Hà Nam được khoảng 03 năm. Sau đó, ông S đi làm ăn xa, bà L về thôn C(nay là thôn CV), xã LT, huyện TL sinh sống. Trong nhiều năm liền (khoảng 20 năm), bà L và ông S không sống cùng nhau. Vì bà L và ông S không cùng nhau sinh sống ở địa phương, nên địa phương không nắm rõ được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông bà cụ thể như thế nào. Thời gian gần đây, ông S sinh sống ở thôn N Thường (nay là thôn N), xã LS, còn bà L vẫn sinh sống ở xã LT, hai ông bà sống ly thân. Ông S làm công việc tự do, làm thợ xây; còn bà L công tác tại Đảng ủy xã LT. Do bà L làm đơn ly hôn gửi trực tiếp đến Tòa án nhân dân huyện TL, nên địa phương không tiến hành hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng ông bà. Quan điểm của chính quyền, đoàn thể xã LS như sau: bà L và ông S sống ly thân đã nhiều năm nay, nên khả năng đoàn tụ không còn. Nay, bà L xin ly hôn ông S, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn theo quy định của pháp luật.

**** Tại phiên tòa,***

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - xử cho ly hôn giữa bà Lại Thị L và ông Nguyễn Văn S. Về án phí ly hôn sơ thẩm, bà Lại Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Lại Thị L có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là ông Nguyễn Văn S hiện cư trú tại xã LS, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện TL.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa bà Lại Thị L và ông Nguyễn Văn S là tự nguyện, hợp pháp. Do ông S thường xuyên đi làm ăn xa, nên vợ chồng không có sự đồng cảm, sẻ chia, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Ông bà sống ly thân đã nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa bà L và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà L xin ly hôn ông S là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: vợ chồng ông bà có 02 con chung là Nguyễn Tiến D - sinh ngày 22/12/1993 và Nguyễn Hồng N - sinh ngày 19/01/2001. Hiện nay các con của ông bà đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập, anh D đã lập gia đình, bà L không yêu cầu giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: bà L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Lại Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 238, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Lại Thị L và ông Nguyễn Văn S.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: bà Lại Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001263 ngày 01/12/2021.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã LS, huyện TL;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)